

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/LĐ-PT
Ngày: 01-4-2024
V/v tranh chấp đòi tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 20/2023/TLPT-LĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi tiền lương”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 19/2023/LĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐ-PT ngày 12/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số C đường T, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Công ty TNHH Bệnh viện Đ

Trụ sở: 108 Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đàm Thuận C - Giám đốc

Địa chỉ: A Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1991

Địa chỉ thường trú: Số A khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số A N, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn D – Luật sư thuộc Công ty L Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1957

2. Bà Phan Thị S, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Bà Phan Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Ông Trần Văn C2, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Như H1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng K trình bày:

Ông và Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có thỏa thuận với nhau là ông vào làm việc tại công ty với những công việc trợ lý giám đốc là tham mưu giúp giám đốc tìm đối tác ký kết khoảng 13 hợp đồng; kế toán trưởng công ty; quản gia cho gia đình bà T1 như nấu cơm cho công nhân, chăm sóc mẹ chồng bà T1 và làm tài xế. Thời gian làm việc từ năm 2016 đến tháng 5/2021 thì ông ngưng việc tại công ty. Trong quá trình làm việc ông chưa nhận bất kỳ số tiền lương nào của công ty. Ngày 14/5/2021, ông có làm bảng kê tiền lương:

1. L trợ lý giám đốc từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/01/2021 mức lương 10.000.000 đồng/tháng x 60 tháng với số tiền là 600.000.000 đồng;

2. Lương kiêm nhiệm kế toán trưởng từ ngày 05/6/2017 đến ngày 01/01/2021 mức lương là 5.000.000 đồng/tháng x 43 tháng = 215.000.000 đồng;

3. Lương tài xế kiêm nhiệm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2021 mức lương 3.500.000 đồng/tháng x 24 tháng = 84.000.000 đồng;

4. L quản gia từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2021 mức lương 3.500.000 đồng/tháng x 48 tháng = 144.000.000 đồng;

5. L làm trưởng ban Quản lý dự án từ ngày 01/7/2018 đến ngày 01/5/2021 mức lương 100.000.000 đồng/tháng x 34 tháng = 3.400.000.000 đồng.

Tổng cộng Công ty Đ còn nợ ông tiền lương là 4.443.000.000 đồng (Bốn tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra Công ty Đ còn nhờ ông lấy giấy tờ nhà đi làm vay 600.000.000 đồng; ông đi vay tiền của cha ông cho Công ty Đ mượn là 136.000.000 đồng; ông vay tiền của em ông tên T2 cho công ty M là 136.000.000 đồng. Tổng cộng khoảng tiền mà Công ty Đ mượn của ông là 1.188.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền lương công ty nợ ông là 4.443.000.000 đồng và tiền mượn là 1.188.000.000 đồng là 5.631.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm ba mươi một triệu đồng).

Giấy nợ này bà Nguyễn Thị Hồng T3 giám đốc Công ty Đ có ký xác nhận và đóng dấu công ty.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả cho ông các khoản tiền lương như sau:

1. L trợ lý giám đốc từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/01/2021 mức lương 10.000.000 đồng/tháng x 60 tháng với số tiền là 600.000.000 đồng;

2. Lương kiêm nhiệm kế toán trưởng từ ngày 05/6/2017 đến ngày 01/01/2021 mức lương là 5.000.000 đồng/tháng x 43 tháng = 215.000.000 đồng;

3. Lương tài xế kiêm nhiệm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2021 mức lương 3.500.000 đồng/tháng x 24 tháng = 84.000.000 đồng;

4. L làm trưởng ban Quản lý dự án từ ngày 01/7/2018 đến ngày 01/5/2021 mức lương 100.000.000 đồng/tháng x 34 tháng = 3.400.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện trước đây ông có yêu cầu đòi Công ty Đ trả lương quản gia từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2021 mức lương 3.500.000 đồng/tháng x 48 tháng = 144.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông xin rút lại yêu cầu này vì yêu cầu này ông phục cho cá nhân gia đình bà T3 không liên quan đến Công ty Đ. Như vậy tổng số tiền mà ông yêu cầu Công ty Đ thanh toán là 4.299.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm chín mươi chín triệu đồng). Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH B do bà Nguyễn Thị Hồng T3 đại diện theo pháp luật tại cấp sơ thẩm: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1 và bà Phan Thị S trình bày: Hiện nay Công ty Đ còn nợ ông bà 30.000.000.000 (Ba mươi tỷ đồng) đồng tiền mua đất thành lập Công ty Đ tại thửa số 320, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Đ, diện tích 751m², thửa số 314, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Đ, diện tích

10.706m². Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết tại quyết định số 98/2022/QĐST-DS ngày 05/9/2022. Hiện Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa đang tổ chức kê biên thi hành án đối với hai thửa đất trên. Vì vậy ông bà không đồng ý việc ông K và bà T3 đại diện Công ty Đ dựng nợ để phân chia tiền thi hành án. Ông bà xin vắng mặt xét xử vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày: Công ty Đ có mượn của bà 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng), số tiền này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử tại bản án số 80/2018/DS-PT ngày 05/3/2018. Nội dung bản án là buộc Công ty TNHH Bệnh viện Đ trả cho bà Phan Thị H 14.000.000.000 đồng. Bản án này bà đang yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành. Vì vậy bà không đồng ý việc ông K và bà T3 đại diện Công ty Đ dựng nợ để phân chia tiền thi hành án. Bà xin vắng mặt xét xử vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C2 trình bày: Công ty Đ còn nợ ông 16.900.000.000 đồng. Vì vậy ông không đồng ý việc ông K và bà T3 đại diện Công ty Đ dựng nợ để phân chia tiền thi hành án. Ông xin vắng mặt xét xử vụ án này.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 19/2023/LĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã xử:

“Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, 95 Bộ luật Lao động, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng K về việc “Tranh chấp đòi tiền lương” với Công ty TNHH Bệnh viện Đ.

Các yêu cầu của ông K không được chấp nhận như sau:

1.1. L trợ lý giám đốc từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/01/2021 mức lương 10.000.000 đồng/tháng x 60 tháng với số tiền là 600.000.000 đồng;

1.2. Lương kiêm nhiệm kế toán trưởng từ ngày 05/6/2017 đến ngày 01/01/2021 mức lương là 5.000.000 đồng/tháng x 43 tháng = 215.000.000 đồng;

1.3. Lương tài xế kiêm nhiệm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2021 mức lương 3.500.000 đồng/tháng x 24 tháng = 84.000.000 đồng;

1.4. L làm trưởng ban Quản lý dự án từ ngày 01/7/2018 đến ngày 01/5/2021 mức lương 100.000.000 đồng/tháng x 34 tháng = 3.400.000.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Trần Đăng K1 về việc yêu cầu đòi tiền quản gia với Công ty TNHH B.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các bên đương sự theo quy định của luật.

Ngày 19/7/2023, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng K trình bày: Yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông buộc bị đơn phải thanh toán cho ông tổng số tiền 4.299.000.000 đồng. Công ty Đ do bà T3 là người đại diện theo pháp luật, tại thời điểm ông làm việc cho công ty, đã có thỏa thuận với ông về mức lương sẽ thanh toán cho ông như đơn khởi kiện và khi nào bán được dự án hoặc dự án hoàn thành thì phía công ty sẽ thanh toán tiền một lần cho ông đối với các công việc ông được giao, trong khoản thời gian ông làm việc cho công ty từ năm 2016 đến năm 2021 thì ông vẫn chưa nhận bất kỳ khoản tiền nào từ công ty.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày: Bị đơn có ý kiến đối với từng công việc mà ông K khởi kiện như sau: Đối với công việc kế toán trưởng, tại công văn số 2293 ngày 27/6/2026 của Chi cục Thuế huyện Đ, tỉnh Long An thì kế toán trưởng mà công ty khai và đăng ký là từ năm 2020 đến năm 2021 là ông Nguyễn Thanh P và từ năm 2018 đến năm 2021 công ty Đ cũng không có nộp báo cáo tài chính, hơn nữa, điều kiện được bổ nhiệm làm kế toán trưởng theo quy định phải có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng hoặc phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kế toán, tuy nhiên, tại phiên tòa, ông K xác định không có nghiệp vụ gì liên quan đến kế toán nên có đủ căn cứ chứng minh ông K không có thực hiện công việc kế toán cho công ty. Đối với công việc lái xe ô tô thì ông K xác định tại phiên tòa là từ năm 2016 đến năm 2021 thì ông K không có giấy phép lái xe, hơn nữa, bản thân công ty Đ không có xe ô tô nên việc thuê tài xế riêng để lái xe là không có căn cứ, nếu có thỏa thuận thì đây cũng chỉ là thỏa thuận riêng của cá nhân bà T3 và ông K chứ không liên quan gì đến công ty. Theo hồ sơ cung cấp, công ty không có quyết định thành lập trưởng ban quản lý dự án và cũng không có phân công nhiệm vụ, quyền hạn của ban quản lý dự án, đồng thời công ty cũng không bổ nhiệm ông K làm trưởng ban quản lý dự án về xây dựng và ông K cũng không có bất kỳ văn bằng, chứng chỉ nào về xây dựng. Bản thân ông K trong quá trình làm việc được bổ nhiệm là người đứng đầu chi nhánh công ty Đ nhưng không hề phát sinh bất kỳ hoạt động nào như khai báo thuế, xây dựng dự án mới cho công ty Đ nên ông K không được xem là người lao động của công ty, ông K trình bày đã tham mưu với các đối tác, sở ban ngành để ký kết các hợp đồng mà ông K cung cấp nhưng ông K không trình bày được ông đã tham mưu cụ thể công việc gì, những công việc ông đã làm được cho công ty Đ, hơn nữa, những nội dung sai sót cơ bản trong các hợp đồng mà ông K cung cấp, khi được hỏi trình bày tại phiên tòa ông K cũng không biết nên không có căn cứ xác định ông K đã trực tiếp thực hiện các

công việc này. Theo biên bản xác nhận giữa công ty Đ xác nhận cho ông K giữ vị trí giám đốc, kiêm trưởng ban quản lý dự án từ năm 2016 đến năm 2021 thì biên bản này là giả tạo và gây thiệt hại cho công ty, điển hình là hợp đồng tư vấn giám sát và thi công công trình xây dựng số 01 năm 2016 được lập ngày 12/4/2016, theo thực tế thì dự án chưa được triển khai, cũng chưa có giấy phép xây dựng nên không thể tiến hành công việc xây dựng nên không có việc thi công giám sát trên thực tế. Ngoài ra, theo bảo hiểm xã hội dung cấp thông tin thì hiện Công ty Đ chưa có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động nên không có cơ sở xác định ông K có hợp đồng lao động với công ty. Tại phiên tòa, ông K trình bày khi nào làm xong công việc thì bà T3 hứa sẽ thanh toán tiền cho ông một lần thì bản chất đây là hợp đồng hứa thưởng giữa bà T3 và ông K chứ không phải việc ký kết hợp đồng lao động nên công ty không có nghĩa vụ thanh toán tiền lương theo yêu cầu của ông K. Hiện bà T3 không còn là đại diện theo pháp luật của công ty nên bà T3 sẽ tự chịu trách nhiệm cá nhân của bà đối với ông K.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Trần Văn D trình bày: Ông K tranh chấp hợp đồng lao động đòi các khoản tiền lương mà công ty Đ còn nợ, tuy nhiên ông K không cung cấp được hợp đồng lao động nên không có cơ sở xác định số tiền bồi thường với các mức lương: 10.000.000 đồng/tháng, 5.000.000 đồng/tháng, 3.500.000 đồng/tháng và 100.000.000 đồng/tháng như ông K trình bày. Ông K trình bày làm việc cho công ty từ năm 2016 đến năm 2021 nhưng ông không nhận bất kỳ khoản tiền lương nào từ công ty nên không có căn cứ chứng minh công ty đã trả tiền và có hợp đồng lao động với ông K với các mức lương nêu trên. Ông K cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho công việc kế toán trưởng, ông cũng không biết gì về nghiệp vụ kế toán, công ty không có hoạt động và không có cáo báo cáo tài chính để làm việc nên việc thuê ông K làm công việc kế toán với mức lương ông K trình bày là không có căn cứ. Đối với công việc trưởng ban quản lý dự án với mức lương 100.000.000đồng/tháng là rất cao và để được hưởng mức lương này thì ông K phải thực hiện một khối lượng công việc lớn và làm việc rất nhiều nội dung nhưng ông K không cung cấp và cũng không xác định được những công việc cụ thể ông đã cho công ty để được hưởng mức lương này. Ông K khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hình thức hợp đồng lao động, ông Nguyễn Đăng K trình bày rằng ông làm việc tại công ty Đ từ tháng 01/2016 đến tháng 05/2021 thì ngưng việc

nhưng ông không cung cấp được hợp đồng lao động để chứng minh quan hệ lao động giữa ông với công ty. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản” và tại khoản 2 Điều 14 quy định: “Hai bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với hợp đồng có thời hạn dưới 01 tháng”. Như vậy, ông K đã làm việc tại công ty hơn 05 năm nhưng không ký hợp đồng lao động mà ông cho rằng chỉ thỏa thuận miệng là không đúng quy định về hình thức hợp đồng lao động. Về nội dung hợp đồng, ông K yêu cầu công ty T4 đối với 04 vị trí việc làm khác nhau gồm: Trợ lý giám đốc, kế toán trưởng, tài xế, trưởng ban quản lý dự án. Qua xem xét thấy: Đối với yêu cầu thanh toán lương vị trí tài xế: hồ sơ thể hiện bằng lái xe của ông đã hết hạn, điều này đồng nghĩa với việc ông chưa được cấp bằng lái nhưng ông lại yêu cầu công ty thanh toán lương tài xế là không phù hợp. Đối với yêu cầu thanh toán lương vị trí kế toán trưởng: Hồ sơ thể hiện ông K không có chứng chỉ hành nghề kế toán trưởng, đồng thời thực tế từ khi thành lập đến nay, Công ty Đ vẫn chưa đi vào hoạt động nên những công việc mà kế toán trưởng phải làm hầu như không có. Hơn nữa, tại công văn số 2293/CTLAN-TTKT2 ngày 27/6/2023 của Cục thuế tỉnh L thể hiện Công ty Đ đăng ký kế toán trưởng là ông Nguyễn Thanh P, không phải ông K. Vì vậy, ông yêu cầu công ty T4 lương kế toán trưởng là không có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu thanh toán lương Trưởng ban quản lý dự án: Dự án còn chưa đi vào hoạt động, không có giấy phép xây dựng, ông K2 không cung cấp được tài liệu, hồ sơ thiết kế xây dựng thi công hoặc quyết định phân công công việc quản lý dự án chỉ trình bày miệng, không có hồ sơ, tài liệu chứng minh nên không có căn cứ xác định ông K làm trưởng ban dự án. Đối với yêu cầu thanh toán lương Trợ lý giám đốc: Ông K có cung cấp được các hợp đồng mà công ty Đ giao dịch nhưng ông K không chứng minh được tất cả những hợp đồng trên do ông tham mưu, giúp việc như thế nào chỉ trình bày miệng nên không có cơ sở xem xét. Ngoài ra, cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Đ xác nhận Công ty Đ chưa tham gia bảo hiểm xã hội tại BHXH huyện Đ. Từ những phân tích như trên thì không có cơ sở xác định quan hệ lao động giữa ông K và Công ty Đ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông K là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng K thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1, bà Phan Thị S, bà Phan Thị H, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn C2 là ông Nguyễn Như H2 vắng mặt nhưng việc vắng mặt này thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Các đương sự còn lại trong vụ án không kháng cáo. Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu sửa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội bản án sơ thẩm có kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng K yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán tiền lương còn nợ, cụ thể như sau: L trợ lý giám đốc từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/01/2021 mức lương 10.000.000 đồng/tháng x 60 tháng với số tiền là 600.000.000 đồng; L kiêm nhiệm kế toán trưởng từ ngày 05/6/2017 đến ngày 01/01/2021 mức lương là 5.000.000 đồng/tháng x 43 tháng = 215.000.000 đồng; L tài xế kiêm nhiệm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2021 mức lương 3.500.000 đồng/tháng x 24 tháng = 84.000.000 đồng; Lương quản gia từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2021 mức lương 3.500.000 đồng/tháng x 48 tháng = 144.000.000 đồng; L làm trưởng ban Quản lý dự án từ ngày 01/7/2018 đến ngày 01/5/2021 mức lương 100.000.000 đồng/tháng x 34 tháng = 3.400.000.000 đồng, thấy rằng:

[4.1] Theo lời trình bày của ông K thì ông đã làm việc cho Công ty TNHH B từ năm 2016 đến năm 2021 với các công việc như sau: Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/01/2021, ông làm trợ lý giám đốc 2021; từ ngày 05/6/2017 đến ngày 01/01/2021, ông làm kiêm nhiệm kế toán; từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2021 ông kiêm tài xế, từ ngày 01/7/2018 đến ngày 01/5/2021, ông kiêm làm trưởng ban Quản lý dự án cho Công ty Đ và từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2021 ông làm quản gia cho bà T3. Nhận thấy, trong cùng một khoảng thời gian, ông K lại kiêm nhiệm cùng một lúc nhiều công việc khác nhau là không phù hợp với thực tế làm việc. Để thực hiện các công việc nêu trên thì theo quy định của luật cần phải có các văn bằng, chứng chỉ phù hợp với từng công việc, tuy nhiên đối với công việc tài xế thì ông K không có giấy phép lái xe còn giá trị sử dụng, công việc kế toán trưởng thì không có chứng nhận kế toán trưởng và theo xác minh Cơ quan thuế thì Công ty Đ không hoạt động nên không có việc báo cáo thuế, đối với công việc trưởng Ban quản lý dự án, theo các dự án ông K trình bày, thì các dự án này cũng không hoạt động nên không có căn cứ xác định nội dung các công việc thực tế ông K đã làm, đối với công việc trợ lý giám đốc thì ông K có cung cấp 13 hợp đồng mà Công ty Đ giao dịch nhưng ông K cũng không chứng minh được các hợp đồng này do ông là người tham mưu ký kết, trực tiếp thực hiện và các công việc cụ thể mà ông K đã thực hiện trong các hợp đồng là như thế nào nên cũng không thể chứng minh được nội dung công việc thực tế ông K đã thực hiện, ngoài ra, giữa ông K và công ty C3 không có ký hợp đồng lao động.

[4.2] Tại phiên tòa, ông K xác định ông chưa nhận được bất kỳ khoảng tiền lương nào từ Công ty. Nhận thấy, theo lời trình bày của ông K thì ông đã làm việc cho Công ty trong khoảng thời gian dài từ năm 2016 đến ngày 01/01/2021 nếu ông không được Công ty trả lương thì ông có thể tạm dừng công việc và yêu cầu thanh toán tiền lương tương ứng với nội dung công việc ông đã thực hiện nhưng ông K không có bất kỳ ý kiến, khiếu nại gì về việc Công ty không trả lương cho ông. Qua xác minh tại Cơ quan bảo hiểm xã hội thì ông K cũng không có tham gia bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân năm 2007, được sửa đổi bổ sung năm 2012, Điều 2 Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì với mức lương của ông K trình bày thì ông thuộc trường hợp phải kê khai và chịu thuế thu nhập cá nhân, tuy nhiên, ông K xác định ông không có kê khai thuế thu nhập cá nhân tại cơ quan có thẩm quyền nên từ đó không có cơ sở chứng minh được mức lương thực nhận của ông.

[4.3] Từ đó, nhận thấy, việc ký chốt nợ giữa ông K với Công ty Đ thực chất là thỏa thuận riêng giữa ông K với bà T3 vì ông K không chứng minh được công việc thực tế đã làm và tiền lương hàng tháng thực nhận từ công ty. Hiện ông C2, bà H, ông C1, bà S là những người được thi hành án một khoản tiền lớn mà Công ty Đ đang có nghĩa vụ phải thi hành án cũng có ý kiến không đồng ý với sự thỏa thuận của ông K và bà T3 nói trên và sự thỏa thuận giữa bà T3 và ông K cũng không được Công ty Đ chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] Tại mục [1.2] phần nhận định của bản án sơ thẩm có nhận định “Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết. Ông Nguyễn Đăng K người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, công ty H3 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn” là có sai sót về tên bị đơn trong vụ án, tuy nhiên sai sót này không ảnh hưởng đến nội dung và việc giải quyết vụ án nên không cần sửa án mà cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4.5] Từ những phân tích trên, nhận thấy ông K khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho các yêu cầu của mình là có căn cứ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K là phù hợp, ông K kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi tiền lương của ông. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đăng K được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng K.

Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 19/2023/LĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 148, Điều 195, Điều 196, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 95 Bộ luật Lao động, Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng K về việc “Tranh chấp Đòi tiền lương” với Công ty TNHH Bệnh viện Đ.

Các yêu cầu của ông K không được chấp nhận như sau:

1.1. L trợ lý giám đốc từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/01/2021 mức lương 10.000.000 đồng/tháng x 60 tháng với số tiền là 600.000.000 đồng;

1.2. Lương kiêm nhiệm kế toán trưởng từ ngày 05/6/2017 đến ngày 01/01/2021 mức lương là 5.000.000 đồng/tháng x 43 tháng = 215.000.000 đồng;

1.3. Lương tài xế kiêm nhiệm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2021 mức lương 3.500.000 đồng/tháng x 24 tháng = 84.000.000 đồng;

1.4. L làm trưởng ban Quản lý dự án từ ngày 01/7/2018 đến ngày 01/5/2021 mức lương 100.000.000 đồng/tháng x 34 tháng = 3.400.000.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Trần Đăng K1 về việc yêu cầu đòi tiền quản gia với Công ty TNHH B.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH B và ông K1 không phải chịu án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đăng K được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy